

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 25-01-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Như Ý**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Bích Liên**

2. Bà **Đào Thị Đoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thu Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tố Uyên**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 632/2018/TLST-HNG ngày 13 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh 1976

Nơi cư trú: Thôn Thái P, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh 1974

Nơi cư trú: Thôn Thái P, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

Có mặt anh S, chị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 12.7.2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày:**

Anh Nguyễn Văn S và chị lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống cho anh chị năm 1994, anh chị không ra UBND xã Mai Đ đăng ký kết hôn mà do có người quen ở xã nên nhờ người đó đăng ký hộ rồi mang giấy kết hôn về nhà cho chị. Do thời gian đã lâu nên chị đã làm mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau, chị về sống cùng gia đình anh S ở Thái P, Mai Đ, Sóc Sơn, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S thường xuyên uống rượu về đánh đập chị và các con. Chị đã báo chính quyền can thiệp nhưng anh S không thay đổi. Khoảng tháng 10.2017 do anh S đánh đập nhiều nên chị phải dọn ra ngoài ở trọ. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh S.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 11.7.1995, Nguyễn Thị C sinh ngày 12.11.1997, Nguyễn Thị H sinh ngày 22.7.2006. Hiện nay cháu T, cháu C đã trưởng thành chị không có đề nghị gì, cháu H đang ở với anh S. Ly chị đề nghị nuôi cháu H. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là lao động tự do thu nhập trung bình 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày tại các lời khai:**

Anh và chị M lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới cho anh chị vào năm 1994. Giấy đăng ký kết hôn là chị M làm và giữ, hiện nay anh không biết còn không. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị M thường xuyên đi đánh bạc, anh đã khuyên nhủ nhiều nhưng chị M không nghe. Có hôm chị M đi đánh cả đêm anh phải đi tìm chị M về. Do chị M đi đánh bạc nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh không đánh chị M. Khoảng tháng 5.2018 chị M bỏ nhà đi, anh gọi về chị M về một thời gian đến tháng 9.2018 chị M bỏ đi hẳn. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị M xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 11.7.1995, Nguyễn Thị C sinh ngày 12.11.1997, Nguyễn Thị H sinh ngày 22.7.2006. Hiện nay

cháu T, cháu C đã trưởng thành anh không có đề nghị gì, cháu H đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị tiếp tục nuôi cháu H vì chị M không có chỗ ở ổn định, phải đi ở trọ. Hiện nay anh là lao động tự do, thu nhập trung bình 3.000.000đ đến 4.000.000đ/tháng. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S, chị M; Về con chung: giao cháu H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh S; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ^ể được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn S, chị Trần Thị M đều có hộ khẩu thường trú, sinh sống tại Thái P, Mai Đ, Sóc Sơn, Hà Nội. Chị M xin ly hôn anh S. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị M xác lập quan hệ vợ chồng năm 1994, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Theo lời khai của anh S, chị M thì anh chị không ra xã đăng ký theo đúng thủ tục mà nhờ người quen làm giấy chứng nhận kết hôn cho, do thời gian đã lâu nên anh chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên không xuất trình cho Tòa án được. Qua xác minh tại UBND xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội trong sổ đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến nay không có tên anh S, chị M.

Tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Theo Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này...”.

Từ những căn cứ trên cho thấy: Anh S, chị M không xuất trình được tài liệu chứng minh việc đăng ký kết hôn, qua xác minh tại các cơ quan cũng không có tài liệu nào chứng minh việc anh chị có đăng ký kết hôn. Do đó việc chung sống giữa anh S, chị M không có đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý. Nay chị M yêu cầu xin ly hôn là không có căn cứ, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S và chị M.

[3] Về con chung: Anh S, chị M có 03 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 11.7.1995, Nguyễn Thị C sinh ngày 12.11.1997 và Nguyễn Thị H sinh ngày 22.7.2006. Cháu T, cháu C đều đã trưởng thành, đi làm, tự lo cho bản thân nên anh S, chị M không có đề nghị gì. Anh S, chị M đều đề nghị nuôi cháu H. Xét nguyện vọng nuôi con của anh S, chị M: HĐXX thấy: Anh S, chị M đều là lao động tự do, không xuất trình được tài liệu chứng minh thu nhập. Việc chăm sóc con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ, nguyện vọng chăm sóc con của cha mẹ là chính đáng. Cháu H là con gái, đang trong độ tuổi tâm sinh lý cần sự chỉ bảo của người mẹ, nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ. Do đó việc giao cháu H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Anh S, chị M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 146, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị H sinh ngày 22.7.2006 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của tòa án.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo biên lai số 0001554 ngày 13.12.2018.

Anh S, chị M có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Như Ý